

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT [NGHE TIẾNG TRUNG 1]

Mã học phần: CLI32022– Số tín chỉ: 02

Dùng cho ngành: Ngôn ngữ Anh

Chuyên ngành: Anh-Trung

Điều kiện tiên quyết: Tổng hợp tiếng Trung 1

Hình thức đào tạo: Trực tiếp/trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại Ngữ

1. Thông tin chung về học phần

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Ngôn ngữ Anh-Trung có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, kỹ năng, tác phong nghề nghiệp, có sức khỏe tốt và khả năng thích ứng cao để làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động và nhu cầu hội nhập quốc tế của đất nước.

Học phần góp phần đạt chuẩn đầu ra A2, B1, B3, C3, C4 của CCĐT cử nhân Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh-Trung trường Đại học QL và CN Hải Phòng.

Học phần Nghe tiếng Trung 1 nhằm giúp người học:

- G1: Nắm vững kiến thức ngữ âm tiếng Hán, có khả năng phân biệt âm và ngữ điệu, nói lưu loát và phát âm chuẩn, đọc đúng ngữ âm, ngữ điệu các bài đọc.
- G3: Vận dụng tốt kỹ năng nghe – nói, có khả năng biểu đạt trong các tình huống giao tiếp khác nhau,...
- G4: Có kiến thức từ vựng phong phú theo các chủ đề, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc, dịch thuật...
- G5: Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành.
- G6: Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề.
- G7: Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.

2. Từ viết tắt: G= mục tiêu; a=CĐR kiến thức; b=CĐR kỹ năng; c=CĐR năng lực tự chủ

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh-Trung sau khi học xong học phần Nghe tiếng Trung 1 phải đạt những tiêu chuẩn sau:

3.1 Kiến thức

- a1: Nắm vững, nghe hiểu các nhóm từ vựng liên quan về các chủ đề trong học phần. Nắm vững kiến thức về các mẫu câu cơ bản đã học, đồng thời bổ sung mở rộng thêm một số các từ trọng điểm và kết cấu ngữ pháp mới để có thể nghe hiểu đúng nghĩa của câu và nội dung bài.
- a2: Có kiến thức, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức chuyên ngành; Có năng lực chuyên môn, sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung Quốc để ứng phó, giải quyết các tình huống giao tiếp và có thể làm việc ở các vị trí khác nhau như biên - phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, nghiên cứu viên,... có liên quan đến các ngành nghề sử dụng đến tiếng Trung Quốc hoặc tham gia học tập ở bậc cao hơn.

3.2 Kỹ năng

- b1: Sử dụng thành thạo kỹ năng nghe ở cấp độ HSK2 gồm nghe từ, câu, hội thoại đơn giản tiếng Trung Quốc, nghe nhanh, đúng, chính xác, phân biệt thanh mẫu, vận mẫu thanh điệu, trọng âm và biên điệu.
- b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...

- b3: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.

3.3 Phẩm chất, thái độ

- c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.

- c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.

- c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.

- c4: Không ngừng học hỏi trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 毛悦, 《汉语听力速成-基础篇》,北京语言大学出版社+ CD, 2010

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. Khương Lê Bình, Giáo trình chuẩn HSK 3, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

[4.2.2]. Khương Lê Bình, Giáo trình chuẩn HSK 3 (sách bài tập), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

5. Nội dung kế hoạch dạy học:

* Thời lượng: 30 tiết; 02 tiết/bài

Thời lượng	Nội dung	PPDH và PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu	Phương pháp KTĐGTX và KTĐG việc tự học của sinh viên	KQ cần đạt
2 tiết	<p>Bài 1: 买东西</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4 	<p>Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 棒棒糖、矿泉水、打折、款式、收银台、讨价还价 và bài nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 一点二也不,,,、不是,,,吗? - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 1, chuẩn bị bài 2, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu trên websites 	<ul style="list-style-type: none"> -Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi 	<ul style="list-style-type: none"> - SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng TQ.

<p>02 tiết</p>	<p>Bài 2: 看病 1. Tóm tắt 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 看病、请假、拉肚子、内科、咳嗽、打针、化验 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, câu trúc: 还没,,,呢、,,,就行了 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 2, chuẩn bị bài 3, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube, tìm hiểu về chủ đề khám bệnh.</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
<p>02 tiết</p>	<p>Bài 3: 去餐厅吃饭 1. Tóm tắt 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về cách dùng của-国产、 鸡尾酒、稍、海鲜、家常菜、风味 打针、化验 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, câu trúc: —正,,,呢 —还是……吧 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 3, chuẩn bị bài 4, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube tìm hiểu về chủ đề đi ăn ở nhà hàng.</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>

<p>02 tiết</p>	<p>Bài 4: 问路 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 劳驾、拐弯儿、对面、调头、终点站、迷路 và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 可是,,,,、对,,,,来说,,,,</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi.</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 4, chuẩn bị bài 5, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về chủ đề hỏi đường.</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
<p>02 tiết</p>	<p>Bài 5: 旅游 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 导游、游览、安排、计划、景点 và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 趁,,,,、反正,,,,</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 6, chuẩn bị bài 6, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về chủ đề du lịch</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>

<p>02 tiết</p>	<p>Bài 6: 谈学习</p> <p>1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 期中、期末、阅读、速度、提高、辅导、报名、再说 và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 越 A 越 B、就是,,,也,,,,</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 6, chuẩn bị bài 7, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về chủ đề học tập</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
<p>02 tiết</p>	<p>Bài 7: 家庭 +KTGHP</p> <p>1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 退休、放假、邀请、家务、矛盾、保姆 và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 是,,,而不是、只要,,,就,,,,</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 7, chuẩn bị bài 8, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về chủ đề gia đình</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p> <p>- Kiểm tra giữa học phần: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 15 phút. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>

02 tiết	Bài 8: 社会问题 1. Tóm tắt 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : —政府、改造、遵守、规则、解决、适应、培养,,, và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: —还,,,呢 —怎么,,,呢 “连,,,也/都,,,” - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 8, chuẩn bị bài 9, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về các vấn đề xã hội	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
02 tiết	Bài 9: 天气季节 1. Tóm tắt 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 短袖、衬衫、恐怕、外套、干燥、暖气、湿润、才 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 宁愿,,,也,,,、够,,,的,,, - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 9, chuẩn bị bài 10, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về chủ đề thời tiết	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.

<p>02 tiết</p>	<p>Bài 10: 谈计划 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 终于、正常、实在、各奔东西、高级、享福、答应 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 哪儿/谁/什么/怎么,,, 都/也+不/没,,,,、要不,,,, - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 10, chuẩn bị bài 11, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube tìm hiểu về chủ đề kế hoạch</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
<p>02 tiết</p>	<p>Bài 11: 工作职业 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 辞职、领导、无聊、能力、面试 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: V 得/不+可能补语、好/不好+V、别,,,,了 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 11, chuẩn bị bài 12, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về chủ đề công việc nghề nghiệp</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>

02 tiết	Bài 12: 交友 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: —性格、外向、开朗、网友、安全感、友好.....l và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: —不就完了吗? —谁说“等,,,就,,,” - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 12, chuẩn bị bài 13, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về chủ đề kết bạn	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
02 tiết	Bài 13: 看房租房 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: —中介、租金、居室、电器、家具、押金,,,l và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: —可,,,了 —好几,,,l “,,,什么的” - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 13, chuẩn bị bài 14, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về chủ đề thuê phòng	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.

<p>02 tiết</p>	<p>Bài 14: 解决矛盾</p> <p>1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : —愁眉苦脸、总之、自以为是、表示、诚意.....l và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: —自从,,,,以来—这还不简单</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 14, chuẩn bị bài 15, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về chủ đề giải quyết mâu thuẫn</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
<p>02 tiết</p>	<p>Bài 15: 文化习俗</p> <p>1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 日历、代表、礼尚往来、成双成对、入乡随俗、人生 và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: —,,,,就是,,,,、不好说、别提多,,,,了</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 15, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về chủ đề tập tục văn hóa</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>

7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra									
			a1	a2	b1	b2	b3	c1	c2	c3	c4	
Quá trình	ĐG1. Trắc nghiệm	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	ĐG2. Trắc nghiệm	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	50%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<i>Tổng cộng:</i>		100%										

8. Hoạt động đánh giá

8.1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, b1, b2, c1, c2 Tỷ lệ: 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
- Mô tả bài đánh giá 1: Đánh giá khả năng tiếp tục từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nghe của sinh viên ở cấp độ HSK2 (từ bài 1 đến bài 7)

8.2. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, b3, c3, c4 Tỷ lệ 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
- Mô tả bài đánh giá 2: Đánh giá khả năng tiếp tục từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng Nghe của sinh viên ở cấp độ HSK2 (từ bài 8 đến bài 15)

8.3. Hoạt động đánh giá 3 – tỷ lệ chiếm 50% điểm học phần

Hình thức: Bài thi cuối kì kết thúc học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
- Mục đích:
 - o Đánh giá năng lực ghi nhớ từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản của người học
 - o Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và ngữ pháp đã học vào kỹ năng Viết và giao tiếp thông thường ở cấp độ HSK 2
 - o Đánh giá khả năng làm việc độc lập
- Bài thi cuối kì được tính theo thang điểm 10

Chuẩn đầu ra: a1; a2; b1; b2; b3; c1; c2; c3; c4

8.4. Ma trận đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a1: Nắm vững, nghe hiểu các nhóm từ vựng liên quan về các chủ đề trong học phần. Nắm vững kiến thức về các mẫu câu cơ bản đã học, đồng thời bổ sung mở rộng thêm một số các từ trọng điểm và kết cấu ngữ pháp mới để có thể nghe hiểu đúng nghĩa của câu và nội dung bài.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
a2: Có kiến thức, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức chuyên ngành; Có năng lực chuyên môn, sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung Quốc để ứng phó, giải quyết các tình huống giao tiếp và có thể làm việc ở các vị trí khác nhau như biên - phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên,	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
ngiên cứu viên,... có liên quan đến các ngành nghề sử dụng đến tiếng Trung Quốc hoặc tham gia học tập ở bậc cao hơn.					
b1: Sử dụng thành thạo kỹ năng nghe từ, câu, hội thoại đơn giản tiếng Trung Quốc, nghe nhanh, đúng, chính xác, phân biệt thanh mẫu, vận mẫu thanh điệu, trọng âm và biến điệu.	Sử dụng tốt	Sử dụng khá tốt	Sử dụng ở mức trung bình	Sử dụng ở mức hạn chế	Sử dụng ở mức rất hạn chế
b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b3: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c4: Không ngừng học học trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

8.5 Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Kết quả học tập chung của học phần được đánh giá theo công thức sau:

$$\Sigma = \frac{\text{ĐG1} \times 25 + \text{ĐG2} \times 25 + \text{ĐG3} \times 50}{100}$$

9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):

Phòng học với diện tích phù hợp, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ thiết bị như:

+ bàn ghế, phấn bảng, đèn, quạt, điều hòa

+ projector

- + Loa, Đài cassette
- + Lớp học không quá 35 sinh viên

Yêu cầu đối với sinh viên:

- + Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.
- + Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- + Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (băng, đĩa).
- + Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học
- + Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia xây dựng bài
- + Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ
- + Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học

10. An toàn của sinh viên và giảng viên

An toàn lớp học. An toàn PCCC và cứu hộ cứu nạn. Chống bạo lực học đường.

11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày ... tháng năm 2023
Người biên soạn

TS. Trần Thị Ngọc Liên

Tổ Tiếng Trung